

Số: 95/2021/QĐST-HNGĐ

Cẩm Giàng, ngày 27 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1997;

ĐKHK: bản HM; xã PK, huyện YC, tỉnh SL;

Nơi cư trú: thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

- *Bị đơn*: Anh **Bùi Ngọc T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị M và anh Bùi Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Sau ly hôn, chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Ngọc Anh T, sinh ngày 28/8/2018 đến khi thành niên; anh Bùi Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Trần Thị M hàng tháng mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng kể từ tháng 11/2021 cho đến khi con thành niên.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị M.

Kể từ khi chị M có đơn đề nghị thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Tài sản chung, nợ chung, công sức*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị M tự nguyện chịu cả 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu thay cho anh T 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo biên lai số AA/2020/0002023 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng;
- THA dân sự huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã TT, huyện Cẩm Giàng để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đoàn Thị Thúy

